

## MỤC LỤC

### KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

---

- 1. Lê Mạnh Hùng, Lê Thị Việt Nga và Doãn Nguyên Minh** - Thúc đẩy xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc trong bối cảnh thực thi hiệp định RCEP. **Mã số: 162.IIEM.11** 3  
*Developing Vietnam's Agriculture Exports to China Market in The Entry Into Force of The RCEP Agreement*
- 2. Lê Ngọc Danh và Ngô Thị Thanh Trúc** - Quản lý chuỗi cung ứng ngành hàng cua biển vùng Đồng bằng Sông Cửu Long. **Mã số: 162.ITrEM.11** 11  
*Supply chain management of mub crabs in the Mekong Delta*
- 3. Nguyễn Văn Chiến** - Tác động của phát triển du lịch và tăng trưởng kinh tế lên thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đông Nam Á. **Mã số: 162.IDEco.11** 23  
*Impact of Tourism Development and Economic Growth on Foreign Direct Investment in Southeast Asia*

### QUẢN TRỊ KINH DOANH

---

- 4. Nguyễn Quỳnh Trang** - Kế toán quản trị với việc ra quyết định tại các doanh nghiệp sản xuất cơ khí Việt Nam: Các yếu tố ảnh hưởng và tác động đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. **Mã số: 162.2BAcc.21** 32  
*Management Accounting for Decision - Making in Vietnamese Mechanical Manufacturing Enterprises: Factors Affecting and Impact on Firm Performance*
- 5. Nguyễn Thị Ngọc Lan, Bùi Thị Ngọc và Nguyễn Thị Thanh Phương** - Mối quan hệ giữa lợi nhuận và dòng tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ. **Mã số: 162.2BAcc.21** 44  
*Relationship Between Profit and Cash Flows on Cash Flows Tatement*

- 6. Nguyễn Thanh Phương và Đặng Thị Lan Phương** - Các yếu tố ảnh hưởng tỷ suất sinh lời trên tài sản của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam. *Mã số: 162.2FiBa.21* 56  
*Factors Affecting Return on Assets of Commercial Banks in Vietnam*
- 7. Đỗ Thị Vân Trang và Phan Thùy Dương** - Các yếu tố tác động đến rủi ro tài chính trong doanh nghiệp bất động sản: Đánh giá từ mô hình hồi quy phân vị. *Mã số: 162.2FiBa.21* 70  
*Factors affecting Financial risk in the real-estate companies: The quantile regression*
- 8. Hoàng Văn Thành và Nguyễn Thị Huyền Ngân** - Tác động của quản trị truyền thông marketing đến kết quả bán hàng và kết quả thương hiệu: nghiên cứu trường hợp các khách sạn 4-5 sao trên địa bàn Hà Nội. *Mã số: 162.2TRMg.21* 79  
*Effect of Marketing Communication Management on Sales-Related Performance and Brand-Related Performance: A Case Study of 4 Star and 5 Star Hotels in Hanoi*

## Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 9. Hồ Hữu Phương Chi, Quách Dương Tử và Nguyễn Tuấn Kiệt** - Covid-19 có ảnh hưởng đến phương thức thanh toán của khách hàng? bằng chứng từ Cần Thơ, Việt Nam. *Mã số: 162.3SMET.31* 92  
*Does Covid-19 Pandemic Affect Customers' Payment Method? Evidence From Can Tho, Vietnam*
- 10. Nguyễn Đình Toàn, Hoàng Ngọc Vinh Hạnh và Hoàng Tuấn Dũng** - Ảnh hưởng của sự bảo chứng của người nổi tiếng đến ý định mua của giới trẻ Việt Nam: nghiên cứu trường hợp thương hiệu điện thoại di động OPPO. *Mã số: 162.3BMkt.31* 103  
*The Effects of Celebrity Endorsement on Purchase Intention of Vietnamese Youth: The Case of Oppo Smartphone Brand*

# TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ LÊN THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI ĐÔNG NAM Á

**Nguyễn Văn Chiến**

Email: [chiennv@tdmu.edu.vn](mailto:chiennv@tdmu.edu.vn)

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Ngày nhận: 18/11/2021

Ngày nhận lại: 31/12/2021

Ngày duyệt đăng: 05/01/2022

Mục đích của nghiên cứu này nhằm đánh giá tác động của ngành du lịch và tăng trưởng kinh tế lên đầu tư trực tiếp nước ngoài tại một số nước trong khu vực Đông Nam Á trong thời gian từ 1995 đến 2020. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hồi quy bình phương tối thiểu tổng quát (FGLS) và phương pháp hồi quy sai số chuẩn hiệu chỉnh dữ liệu bảng (PCSE), kết quả nghiên cứu khẳng định rằng không tồn tại tác động giữa ngành du lịch và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Động lực chính thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài đến từ: tăng trưởng kinh tế, sự mở rộng thương mại và tỷ lệ đô thị hóa. Nghiên cứu cũng khẳng định không có mối quan hệ giữa dân số và đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đông Nam Á.

**Từ khóa:** tăng trưởng, du lịch, Đông Nam Á, đầu tư trực tiếp nước ngoài.

**JEL Classifications:** E31, E32, F62, G32, G38.

## 1. Giới thiệu

Đông Nam Á là tiểu vùng địa lý nằm ở phía nam của châu Á, nơi sinh sống của 660 triệu người và là nơi nằm trên tuyến đường giao thương tấp nập kết nối vận chuyển hàng hóa bằng đường biển giữa Đông Á và các nền kinh tế lớn ở châu Âu và châu Mỹ. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, các nước Đông Nam Á có mối quan hệ gắn bó khăng khít theo biến động thăng trầm của lịch sử. Kể từ năm 1967, tại Băng Cốc - Thái Lan, Hiệp hội các nước Đông Nam Á, gọi tắt là ASEAN được thành lập và hiện là tổ chức hợp tác về kinh tế, chính trị, trao đổi văn hóa xã hội của 10 quốc gia trong khu vực Đông Nam Á (trừ Đông Timor). Tuy nhiên, mặc dù có nhiều mối quan hệ gắn bó mật thiết, nhưng các quốc gia trong ASEAN vẫn duy trì sự khác nhau thể chế chính trị, đặc biệt là mức độ

phát triển kinh tế giữa các nước tương đối khác nhau. Cụ thể, những nước có quy mô kinh tế lớn có thể kể đến như Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Phillipines, Singapore và Việt Nam (còn gọi là ASEAN6), trong khi Lào, Campuchia, Đông Timor, Brunei, Myanmar là những quốc gia có quy mô kinh tế còn thấp.

Với vị trí địa chính trị thuận lợi trong giao thương hàng hóa và hàng không, ASEAN là khu vực hấp dẫn các du khách quốc tế và là lựa chọn đối với du khách quốc tế. Các quốc gia đạt được thành công trong thu hút du khách quốc tế có thể kể đến như Thái Lan, Singapore, và đồng thời ngành du lịch đóng góp giá trị lớn trong phát triển kinh tế của hai nước này. Trong khi đó, Malaysia, Indonesia và Việt Nam cũng đang định hình là điểm đến lý tưởng và là lựa chọn tốt cho du khách quốc tế, trước đại dịch

Covid-19 các nước này đã đón được 26.1 triệu, 16.1 triệu và 18 triệu du khách (năm 2019). Các quốc gia khác trong khu vực như Lào, Myanmar, Campuchia cũng đang xây dựng hình ảnh điểm đến thân thiện, cải thiện chính sách visa và nâng cấp cơ sở hạ tầng hàng không và hạ tầng du lịch và cũng đang trở thành một lựa chọn lý tưởng cho du khách trong tương lai gần.

Những nỗ lực trong xây dựng hình ảnh điểm đến thân thiện nhằm thu hút du khách quốc tế đã tạo động lực quan trọng trong giải quyết việc làm, tăng thu nhập và trao đổi thương mại. Khu vực ASEAN cũng là nơi thu hút được các dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, đạt tới 182 tỷ đô la năm 2019. Nếu so sánh với sự luân chuyển vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên phạm vi toàn cầu, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đổ vào ASEAN chiếm tỷ lệ cao lên tới 11.9% năm 2019 và 13.7% năm 2020 (ASEAN, 2021). Điều đó phản ánh khu vực ASEAN là nơi dành được nhiều mối quan tâm từ các nhà đầu tư quốc tế. Hơn nữa, các nước trong khu vực cũng duy trì các chính sách thương mại tự do trong Cộng đồng chung kinh tế AEC (Asean Economic Community) nhằm hình thành một khu vực ASEAN phát triển ổn định, thịnh vượng và khả năng cạnh tranh cao, đặc biệt hàng hóa, dịch vụ, đầu tư sẽ được tự do chu chuyển trong khu vực.

Nghiên cứu về tác động của du lịch và tăng trưởng kinh tế lên đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa được thực hiện nghiên cứu tại ASEAN, đặc biệt tại các nước ASEAN6. Thực vậy, nghiên cứu của Sokhanvar và Jenkins (2021), Yang và cộng sự (2021) đều cho rằng có tác động tích cực của phát triển du lịch lên thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Hơn nữa, Sayari và cộng sự (2018), Alshamsi và cộng sự (2015) trong nghiên cứu của mình cũng khẳng định mối quan hệ tích cực giữa tăng trưởng và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tuy nhiên, các nghiên cứu này đều được thực hiện tại khu vực Nam Á, Trung Đông và Bắc Phi và thiếu nghiên cứu tương tự tại khu vực ASEAN, đặc biệt là ASEAN6. Do vậy, mục tiêu của nghiên cứu này nhằm đánh giá sự phát triển du lịch trong bối cảnh các quốc gia cố gắng đạt được tăng trưởng kinh tế cao tại ASEAN6

nhằm cải thiện trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trong nghiên cứu này, tác giả phân tích mối quan hệ trên bằng cách thực hiện hồi quy ước lượng qua hồi quy đa biến, sử dụng phương pháp bình phương tối thiểu khả thi tổng quát (FGLS) nhằm xử lý các khuyết tật có thể có trong mô hình hồi quy. Ngoài ra, nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp quy sai số chuẩn hiệu chỉnh dữ liệu bảng (PCSE) nhằm kiểm tra độ tin cậy của kết quả hồi quy, làm cơ sở vững chắc để đánh giá tác động của du lịch và tăng trưởng kinh tế lên thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đông Nam Á.

## **2. Tổng quan nghiên cứu trước**

Sự phát triển kinh tế xã hội đã mang lại thu nhập cho người dân nhằm đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của cuộc sống. Nhu cầu nghỉ dưỡng được xác định là ngành công nghiệp không khói và có nhiều đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Sự phát triển của ngành du lịch đã và đang đáp ứng các nhu cầu về nghỉ dưỡng, thăm quan điểm đến, đáp ứng nhu cầu của con người và trở thành nhu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Trước đại dịch, ngành du lịch đã mang lại nhiều cơ hội trong phát triển kinh tế của nhiều quốc gia, tiêu biểu như Thái Lan, Singapore, hoặc các nước khu vực Trung Đông. Mặc dù giai đoạn 2020 đến nay, đại dịch COVID-19 nhiều quốc gia thực hiện cách ly, giãn cách và đóng cửa hàng không, đã làm cho ngành du lịch bị ảnh hưởng nặng nề, ảnh hưởng tới phát triển kinh tế và trong thu hút đầu tư.

Trong nghiên cứu của Sokhanvar và Jenkins (2021) trong trường hợp của Estonia cho rằng du lịch có ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế tại nước này. Trong bối cảnh chiến tranh thương mại và đại dịch, kinh tế tại Estonia rơi vào đình trệ, lạm phát cao và tăng trưởng thấp đã làm ảnh hưởng tới ngành du lịch và tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Rasool và cộng sự (2021) cho rằng ngành du lịch đã trở thành ngành xuất khẩu quan trọng và lớn thứ ba thế giới sau nhiên liệu và hóa chất. Du lịch quốc tế đã có sự gia tăng mạnh mẽ, tương đương với khoảng 7% tổng xuất khẩu của thế giới vào năm 2016, thể hiện vai trò ngày càng quan trọng của ngành du lịch trong cơ cấu kinh tế. Nghiên cứu của Chen (2017)

tại Trung Quốc cho rằng sự tăng trưởng trong ngành du lịch không những có tác động lên sự dịch chuyển dòng vốn quốc tế trong ngành công nghiệp du lịch, mà còn có tác động thúc đẩy dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong nhiều ngành kinh tế khác. Kết quả nghiên cứu củng cố bằng chứng tồn tại mối quan hệ hỗ trợ nhau trong chính sách thu hút du lịch, thuận tiện cho du khách, nhà đầu tư và với các chính sách thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Nghiên cứu của Yang (2021) cho rằng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là nguồn bổ sung quan trọng trong phát triển kinh tế tại mỗi quốc gia. Các dòng vốn quốc tế có khả năng cải thiện năng suất thông qua cơ chế lan tỏa và hấp thụ công nghệ, tạo việc làm. Khi một công ty đa quốc gia thực hiện đầu tư, những công nghệ từ công ty đa quốc gia sẽ được chuyển vào nước nhận đầu tư, quá trình tương tác với các nhà cung cấp, các doanh nghiệp liên kết hoặc đối tác trong nước sẽ giúp các doanh nghiệp này cải thiện năng suất. Đồng thời, các công ty đa quốc gia cũng mang lại những kỹ năng quản lý, quản trị nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nước. Hiệu quả tác động này là cao hơn trong quốc gia có ngành du lịch phát triển, được coi là điểm đến có khả năng hấp dẫn du khách và nhà đầu tư. Yang (2021) cho rằng tồn tại mối quan hệ giữa phát triển du lịch, chất lượng thể chế và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng được thực hiện qua một số nghiên cứu, tiêu biểu như của Sayari và cộng sự (2018), Alshamsi và cộng sự (2015). Theo Sayari và cộng sự (2018) cho rằng tồn tại mối quan hệ dài hạn giữa GDP và FDI tại các nước Đông, Trung và Tây Âu. Điều đó giải thích quốc gia có nền tảng tăng trưởng cao có nhiều lợi thế trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài hơn quốc gia khác. Duy trì tăng trưởng cao giúp quốc gia có khả năng cải thiện thu nhập bình quân đầu người, nâng cao chất lượng cuộc sống và kéo theo sự cải thiện về tiêu dùng, đầu tư và thị trường, tạo lợi thế cho các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trong khi đó, Alshamsi và cộng sự (2015) cho rằng các nhà đầu tư nước ngoài ưu tiên lựa chọn đầu tư tại quốc gia ổn định chính trị và rủi

ro quốc gia thấp. Tại các quốc gia Trung Đông và Bắc Phi tồn tại hai nhóm nước, nhóm quốc gia có nguồn năng lượng dầu khí dồi dào có khả năng đa dạng hóa các hoạt động kinh tế và dòng vốn quốc tế được lựa chọn phù hợp theo phát triển kinh tế, tuy nhiên nhóm quốc gia không có nguồn năng lượng từ dầu khí thì dòng vốn quốc tế trở thành nhu cầu cấp thiết bổ sung nhu cầu vốn đầu tư. Theo nghiên cứu của Alshamsi và cộng sự (2015), tăng trưởng kinh tế có tác động tích cực lên thu hút trực tiếp nước ngoài tại khu vực Trung Đông và Bắc Phi. Tương tự, tại Ghana cũng khẳng định tác động dương giữa GDP và FDI như trong nghiên cứu của Asiamah và cộng sự (2019).

Một số nghiên cứu khác cũng khẳng định mối quan hệ giữa tỷ lệ đô thị hóa và đầu tư trực tiếp nước ngoài (Mathur, 2019), thương mại và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (Rathnayaka Mudiyansele, 2021). Nghiên cứu của Mathur (2019) cho rằng sự phân bổ dòng vốn FDI theo khu vực thường không đồng đều. Hầu hết các dòng vốn FDI đều phân bổ ở khu vực đô thị, hoặc các vùng đô thị lớn có lợi thế về thị trường, mật độ dân số và cơ sở hạ tầng. Trong khi đó, thương mại có tác động tiêu cực lên vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong cả ngắn hạn và dài hạn, khẳng định quốc gia có chính sách thương mại mở cao sẽ làm giảm đi sự hấp dẫn trong mắt nhà đầu tư nước ngoài. Bằng chứng này được ủng hộ bởi quan điểm các nhà đầu tư nước ngoài thường có xu thế ưa thích khai thác thị trường nội địa, nếu một quốc gia có khả năng bảo vệ thị trường nội địa tốt hơn trước các sản phẩm nhập khẩu từ bên ngoài thì tạo nhiều thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp FDI đang hoạt động tại trong nước (Rathnayaka Mudiyansele, 2021).

Tại Việt Nam, đã có một số nghiên cứu nhằm đánh giá tác động của ngành du lịch lên đầu tư, nhưng nghiên cứu chỉ dừng ở mức độ phân tích định tính và chưa có phân tích định lượng chuyên sâu, tiêu biểu như nghiên cứu của Bùi Thị Nhân (2021) & Trương Thị Thảo (2021), Vũ Tuấn Hưng và cộng sự (2021), các tác giả đều cho rằng Việt Nam có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, có đường bờ biển dài và có sự kết hợp với rừng núi hùng vĩ. Tuy

nhiên, chưa có nhiều dòng vốn FDI thực hiện đầu tư trong ngành du lịch, các sản phẩm du lịch và điểm đến chủ yếu được thực hiện bởi các nhà đầu tư trong nước, điều đó dẫn đến chưa tạo sự đa dạng trong sản phẩm du lịch, có sự trùng lặp nhau giữa các địa phương, đầu tư manh mún và chưa tạo được sức bật trong nền kinh tế.

Qua các nghiên cứu trước, có thể thấy rằng các nghiên cứu đều chỉ ra những tác động tích cực của

**3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu**

**3.1. Nguồn dữ liệu**

Trong nghiên cứu này, dữ liệu về tăng trưởng kinh tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, độ mở thương mại được lấy từ Quỹ tiền tệ quốc tế. Các nguồn số liệu khác về du lịch, dân số, tỷ lệ đô thị hóa được lấy từ Tổng cục thống kê của mỗi nước. Các dữ liệu được thu thập trong giai đoạn từ năm 1995 đến hết 2020.

**Bảng 1:** *Biến sử dụng trong mô hình*

<b>Biến</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Đo lường</b>	<b>Nguồn</b>
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài ròng	% GDP	Quỹ tiền tệ quốc tế
DULICH	Phát triển du lịch, đo lường bằng số lượng lượt khách du lịch quốc tế	Số lượng, triệu lượt người	Tổng cục du lịch của các nước và Ngân hàng thế giới
GDP	Tăng trưởng kinh tế	%	Quỹ tiền tệ quốc tế
TO	Độ mở thương mại	% GDP	Quỹ tiền tệ quốc tế
POP	Quy mô dân số	Triệu người	Tổng cục thống kê của các nước
URB	Tỷ lệ đô thị hóa	% dân số	Tổng cục thống kê của các nước

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả*

phát triển du lịch lên thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, như nghiên cứu của Sokhanvar và Jenkins (2021), Yang (2021); tác động tích cực của tăng trưởng lên vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, như nghiên cứu của Sayari và cộng sự (2018), Alshamsi và cộng sự (2015). Tuy nhiên, các nghiên cứu đều thực hiện tại các khu vực khác trên thế giới, chưa có nghiên cứu thực hiện tại các nước ASEAN6. Trong khi đó các nghiên cứu trong nước của Bùi Thị Nhân (2021) & Trương Thị Thảo (2021), Vũ Tuấn Hưng và cộng sự (2021) cũng chỉ phân tích định tính về phát triển du lịch và tác động lên kinh tế xã hội. Tính mới trong nghiên cứu này tác giả thực hiện phân tích định lượng nâng cao, bằng việc sử dụng phương pháp bình phương tối thiểu tổng quát khả thi (FGLS) nhằm đánh giá mối quan hệ giữa phát triển du lịch, tăng trưởng và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại ASEAN6. Do vậy, việc thực hiện nghiên cứu này là cấp thiết.

**3.2. Phương trình hồi quy**

Theo các nghiên cứu trước của Sokhanvar và Jenkins (2021), Yang (2021), những phân tích của Sayari và cộng sự (2018), Alshamsi và cộng sự (2015) đều cho rằng có mối quan hệ giữa ngành du lịch, tăng trưởng và đầu tư trực tiếp nước ngoài, mối quan hệ được trình bày theo phương trình hồi quy như sau:

$$FDI_{it} = \beta_0 + \beta_1 DULICH_{it} + \beta_2 GDP_{it}$$

Tuy nhiên, để có một nghiên cứu đầy đủ hơn, nghiên cứu bổ sung một số biến kiểm soát như TO, POP và URB vào mô hình ước lượng, phương trình hồi quy được trình bày như sau:

$$FDI_{it} = \beta_0 + \beta_1 DULICH_{it} + \beta_2 GDP_{it} + \beta_3 TO_{it} + \beta_4 POP_{it} + \beta_5 URB_{it} + \epsilon_t$$

**4. Phân tích kết quả hồi quy**

**4.1. Phân tích thống kê mô tả**

Bảng 2 trình bày về kết quả thống kê mô tả về FDI, GDP, số khách du lịch, thương mại, quy mô



dân số và tỷ lệ đô thị hóa tại ASEAN6 trong giai đoạn 1995 - 2020. Tăng trưởng trung bình của các nước ASEAN6 đạt 4.66%, giá trị cao nhất 14.52% và nhỏ nhất -13.12%, thể hiện các nước ASEAN có mức tăng trưởng bình quân tương đối cao nhưng không đồng đều, mức biến động trong tăng trưởng lớn. Đối với thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nước ASEAN thu hút FDI đạt giá trị bình quân 5.62% GDP và là mức tương đối cao, tuy nhiên có quốc gia có khả năng thu hút FDI đạt tới 32.16% GDP, tiêu biểu là Singapore.

giá là điểm đến hấp dẫn nhất trong ASEAN6. Về thương mại, Singapore được đánh giá có chính sách thương mại rất mở, đạt tới 437.32% GDP, trong khi Phillipines chỉ đạt 33.19% GDP. Về quy mô dân số, Indonesia có quy mô dân số lớn nhất đạt 274 triệu dân, trong khi Singapore có quy mô dân số nhỏ nhất trong ASEAN6. Về tỷ lệ đô thị hóa, Singapore có tỷ lệ đô thị hóa 100%, trong khi Việt Nam có tỷ lệ đô thị hóa thấp nhất ASEAN6 và tỷ lệ đô thị hóa bình quân trong khu vực đạt 55.15%

Hình 1 và Hình 2 mô tả về tăng trưởng kinh tế và

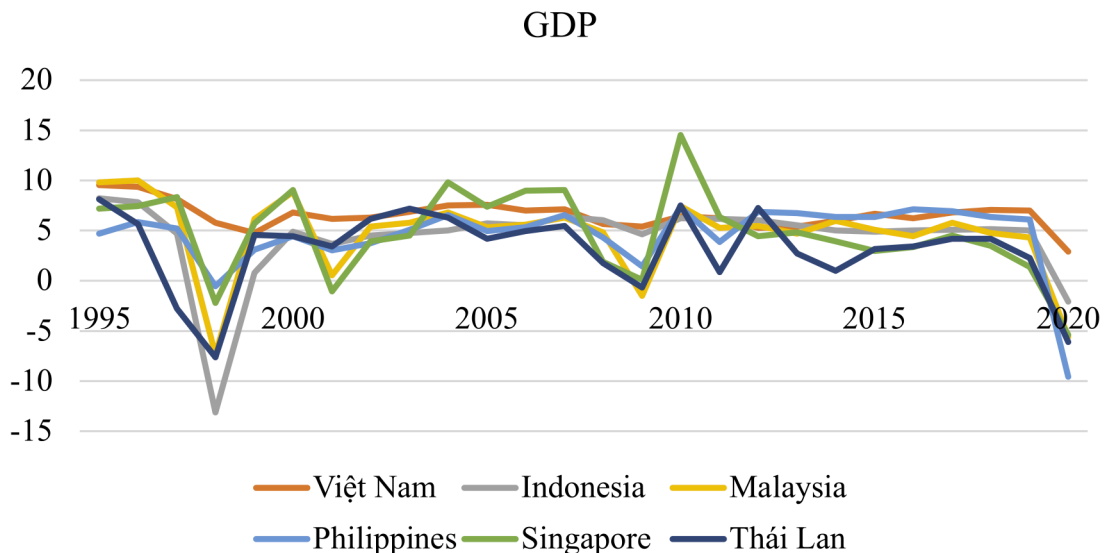
**Bảng 2:** Thống kê mô tả

<b>Biến</b>	<b>FDI</b>	<b>GDP</b>	<b>DULICH</b>	<b>TO</b>	<b>POP</b>	<b>URB</b>
Giá trị trung bình	5.62	4.66	10.60	153.57	84.70	55.15
Độ lệch chuẩn	6.70	3.72	8.28	103.41	74.80	23.76
Giá trị lớn nhất	32.16	14.52	39.90	437.32	274.00	100
Giá trị nhỏ nhất	-2.75	-13.12	1.35	33.19	3.52	22.16
Độ xiên	1.99	-1.89	1.31	1.16	1.16	0.83
Độ nhọn	6.32	8.41	4.30	3.30	3.40	2.54

Nguồn: Tính toán từ Eviews

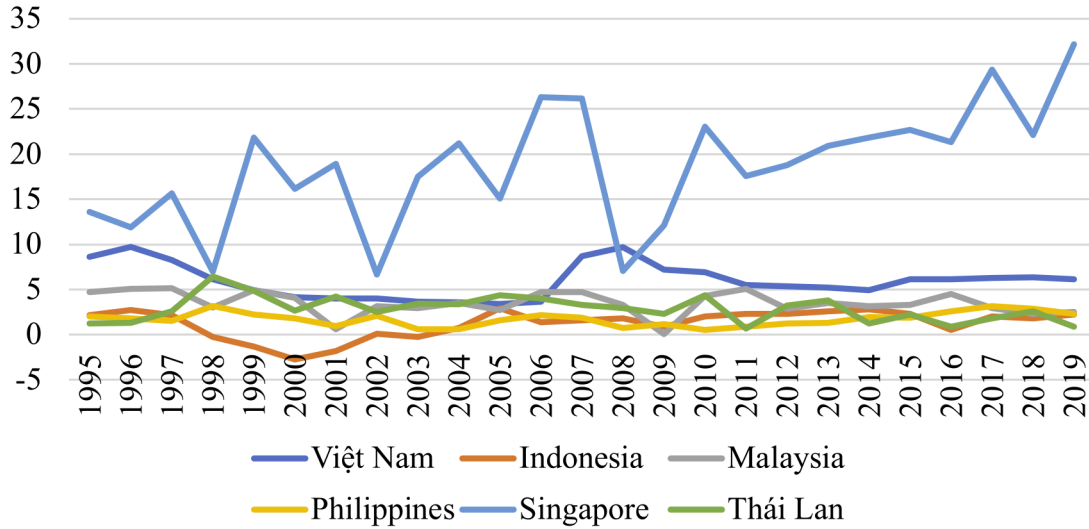
Đối với du lịch, số lượt du khách bình quân đạt 10.6 triệu lượt khách trong các nước trong ASEAN6, tiêu biểu nhất là Thái Lan từng đón tiếp 39.90 triệu lượt khách vào năm 2019 và được đánh

đánh giá là điểm đến hấp dẫn nhất trong ASEAN6. Về thương mại, Singapore được đánh giá có chính sách thương mại rất mở, đạt tới 437.32% GDP, trong khi Phillipines chỉ đạt 33.19% GDP. Về quy mô dân số, Indonesia có quy mô dân số lớn nhất đạt 274 triệu dân, trong khi Singapore có quy mô dân số nhỏ nhất trong ASEAN6. Về tỷ lệ đô thị hóa, Singapore có tỷ lệ đô thị hóa 100%, trong khi Việt Nam có tỷ lệ đô thị hóa thấp nhất ASEAN6 và tỷ lệ đô thị hóa bình quân trong khu vực đạt 55.15%



**Hình 1:** Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 1995 – 2020

**FDI (%GDP)**



**Hình 2:** Đầu tư trực tiếp nước ngoài (ròng) giai đoạn 1995 đến 2020 (% GDP)

tê khu vực chịu tác động của đại dịch. Trong khi đó, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài Singapore và Việt Nam được coi là hấp dẫn trong khu vực, khi tỷ và nhỏ hơn 10, nên có thể khẳng định không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

**Bảng 3:** Phân tích tương quan

Biến	FDI	GDP	DULICH	TO	POP	URB
<b>FDI</b>	1.0000					
<b>GDP</b>	0.1504	1.0000				
<b>DULICH</b>	0.0643	-0.1092	1.0000			
<b>TO</b>	0.8246	0.0509	0.1612	1.0000		
<b>POP</b>	-0.5107	-0.0220	-0.2618	-0.7012	1.0000	
<b>URB</b>	0.6921	-0.0119	0.3243	0.7963	-0.4818	1.0000

Nguồn: Tính toán từ Eviews

lệ dòng vốn FDI so với GDP đạt mức cao. Trong khi các quốc gia như Malaysia, Thái Lan, Indonesia và Phillipines tỷ lệ thu hút FDI so với GDP ở mức thấp.

**4.2. Phân tích tương quan**

Để đánh giá khả năng đa cộng tuyến trong mô hình hồi quy, nghiên cứu phân tích ma trận tương quan và qua hệ số phóng đại phương sai. Theo Bảng 3, hệ số tương quan của các cặp biến độc lập đều nhỏ hơn 0.8 nên khả năng khó xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình hồi quy. Ngoài ra, theo Bảng 4, hệ số phóng đại phương sai trung bình 2.51

**Bảng 4:** Hệ số phóng đại phương sai (VIF)

Biến	VIF	1/VIF
<b>TO</b>	4.74	0.211070
<b>URB</b>	3.31	0.302309
<b>POP</b>	2.22	0.450780
<b>DULICH</b>	1.27	0.789369
<b>GDP</b>	1.02	0.980663
<b>VIF trung bình</b>	2.51	

Nguồn: Tính toán từ Eviews



**4.3. Phân tích hồi quy**

Bảng 5 trình bày kết quả hồi quy đa biến theo phương pháp bình phương tối thiểu khả thi tổng quát (FGLS), phương pháp này có khả năng sửa chữa các khuyết tật có thể xảy ra và đảm bảo kết quả hồi quy là tốt nhất. Ngoài ra nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp sai số chuẩn điều chỉnh dữ liệu bằng (PCSE) nhằm đối sánh kết quả nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng, các biến GDP, TO và URB có tác động lên vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các nước ASEAN. Các biến khác như DULICH, POP không có tác động lên đầu tư trực tiếp nước ngoài.

nay nhưng quá trình mở rộng và phát triển ngành du lịch không tạo ra động lực trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, có nghĩa rằng ngành du lịch không tạo ra sự tăng trưởng trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Khách du lịch tới khu vực ASEAN thường chỉ với mục đích tham qua nghỉ dưỡng và khả năng không có sự liên kết nào với khả năng tìm kiếm cơ hội đầu tư tại khu vực.

Tăng trưởng kinh tế tại các nước ASEAN là động lực trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong khu vực, và tác động này là tương đối lớn. Cứ tăng thêm 1% tăng trưởng, khả năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sẽ gia tăng thêm từ 0.2208 -

**Bảng 5:** Kết quả hồi quy với FGLS và PCSE

Biến	FGLS		PCSE	
	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 1	Mô hình 2
GDP	0.3319** (0.048)	0.2208** (0.017)	0.3315*** (0.000)	0.2208** (0.015)
DULICH	0.0001 (0.311)	0.0001 (0.156)	0.0001*** (0.000)	-0.001 (0.388)
TO		0.0512*** (0.000)		0.0512*** (0.000)
POP		0.0001 (0.172)		0.0001 (0.410)
URB		0.0369*** (0.002)		0.0369*** (0.040)
Hệ số góc	3.2652*** (0.010)	-5.5095*** (0.000)	3.2625*** (0.000)	-5.5095** (0.040)
Wald Chi2	4.55	364.25	150.70	180.48
P-value	0.030	0.000	0.000	0.000
Số quan sát	156	156	156	156
Số nhóm	26	26	26	26

Ghi chú: \*\*\*, \*\* là mức ý nghĩa ứng với 1%, 5%

Nguồn: Phần mềm evIEWS

**4.4. Thảo luận kết quả**

Kết quả nghiên cứu tại Bảng 5, kết quả nghiên cứu khẳng định rằng phát triển du lịch không có tác động lên đầu tư trực tiếp nước ngoài, do giá trị ước lượng không có ý nghĩa thống kê. Kết quả nghiên cứu có thể giải thích rằng, ngành du lịch tại các nước ASEAN có sự mở rộng trong giai đoạn 1995 đến

0.2219%. Điều này giải thích rằng, trong giai đoạn vừa qua khu vực ASEAN duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, một số quốc gia được đánh giá là kinh tế mới nổi của khu vực và châu Á, tiêu biểu như Singapore, Malaysia hoặc Thái Lan, đã làm cho khu vực này trở nên hấp dẫn hơn trong con mắt của các nhà đầu tư quốc tế và là động lực chính mà các dòng

vốn quốc tế được mở rộng trong khu vực. Kết quả nghiên cứu tương tự như nghiên cứu của Sayari và cộng sự (2018), Alshamsi và cộng sự (2015). Các tác giả đều cho rằng, một nền kinh tế duy trì tăng trưởng cao sẽ có nhiều thuận lợi trong môi trường kinh doanh, thu nhập người dân được cải thiện và quy mô thị trường mở rộng, là điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư quốc tế.

Nghiên cứu cũng cho rằng, sự mở rộng thương mại cũng tạo động lực lên thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong khu vực. Cứ 1% tăng thêm về thương mại sẽ làm tăng thêm 0.0512% về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong khu vực ASEAN. Trong bối cảnh các quốc gia trong khu vực ASEAN ngày càng có sự kết nối với nhau thông qua cộng đồng kinh tế AEC, các kết nối trong đầu tư, nguồn nhân lực và đặc biệt là thương mại đã tạo nên nhiều cơ hội cho kinh tế trong khu vực. Ngoài ra, các nước trong khu vực cũng cải thiện các chính sách thương mại thông qua tham gia các hiệp định tự do thương mại với nhiều đối tác thương mại quan trọng của thế giới như Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ và châu Âu, đã tạo điều kiện thuận lợi trong mở rộng thương mại và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Kết quả nghiên cứu cũng cho rằng, tỷ lệ đô thị hóa có tác động tích cực lên khả năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại khu vực ASEAN. Khu vực ASEAN có tỷ lệ đô thị hóa còn ở mức thấp và không đồng đều, nếu như Singapore có tỷ lệ đô thị hóa 100% thì các quốc gia như Việt Nam, Philipines có tỷ lệ đô thị hóa đều nhỏ hơn 50%. Quá trình phát triển kinh tế đã mang lại nhiều cơ hội cho người dân, sự dịch chuyển hoạt động sản xuất từ nông thôn sang thành thị đã tạo ra năng suất lao động cao hơn, kéo theo khả năng tiêu dùng và thị trường rộng lớn hơn đã tạo nên cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài. Điều này được giải thích trong nghiên cứu của Mathur (2019) tại Ấn Độ, tác giả cho rằng, dòng vốn FDI đều phân bố ở khu vực đô thị, hoặc các vùng đô thị lớn có lợi thế về thị trường, mật độ dân số và cơ sở hạ tầng.

## 5. Kết luận

Đông Nam Á nằm trong khu vực kinh tế năng động và ngày càng có đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế tại khu vực châu Á. Sự phát triển kinh tế mang lại nhiều cơ hội nâng cao chất lượng cuộc sống, cải thiện năng suất và trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đóng góp vào thành công đó, ngành du lịch ngày càng có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của các nước trong khu vực. Nghiên cứu đánh giá tác động của phát triển du lịch và tăng trưởng kinh tế lên thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong giai đoạn 1995 đến 2020 bằng phương pháp bình phương tối thiểu khả thi tổng quát nhằm xử lý những khuyết tật trong mô hình nghiên cứu, đặc biệt kiểm tra tính vững của nghiên cứu thông qua phân tích sai số chuẩn hiệu chỉnh dữ liệu bảng, kết quả nghiên cứu cho rằng: tăng trưởng kinh tế là động lực chính trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại khu vực, trong khi phát triển du lịch không mang lại những thành quả trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Bằng chứng không có tác động của phát triển du lịch và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể được giải thích là do các du khách quốc tế tới khu vực Đông Nam Á chỉ đơn thuần tham qua nghỉ dưỡng, họ chưa có động thái trong kết nối các hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các quốc gia trong khu vực. Cuối cùng, nghiên cứu cũng cho rằng thương mại và mức độ đô thị hóa có tác động tích cực lên khả năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, do vậy, để gia tăng hiệu quả trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài thì các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á cần cải thiện hơn nữa các chính sách tự do hóa thương mại, cải thiện đô thị hóa và các chương trình phát triển đô thị, để có thể thu hút được nguồn lao động có chất lượng tới sinh sống, cải thiện năng suất và thu hút dòng vốn quốc tế. ♦

### Tài liệu tham khảo:

1. Alshamsi, K.H., Hussin, M.R.b. and Azam, M. (2015), *The impact of inflation and GDP per capita*

on foreign direct investment: the case of United Arab Emirates, *Investment Management and Financial Innovations*, 12(3-1), 132-141

2. ASEAN (2021), *ASEAN launches Investment Report 2020-2021: Investing in Industry 4.0*. Retrieved from <https://asean.org/asean-launches-investment-report-2020-2021-investing-in-industry-4-0/>, accessed on 9 Dec 2021.

3. Asiamah, M., Ofori, D. and Afful, J. (2019), *Analysis of the determinants of foreign direct investment in Ghana*, *Journal of Asian Business and Economic Studies*, Vol. 26 No. 1, pp. 56-75. <https://doi.org/10.1108/JABES-08-2018-0057>

4. Bùi Thị Nhân (2021), *Du lịch Việt Nam: Hội nhập và phát triển*, *Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, Số 5, tháng 3 năm 2021.

5. Chen, Y. (2017), *China's Tourism-Led Foreign Direct Investment Inflows: An Empirical Study*, *Modern Economy*, 8, 39-50. doi: 10.4236/me.2017.81004.

6. Mathur, O.P. (2019), *Regional and Urban Impacts of Foreign Direct Investment in India. Cities of Dragons and Elephants: Urbanization and Urban Development in China and India*, Retrieved from DOI:10.1093/oso/9780198829225.003.0012, accessed on 8 Dec 2021.

7. Rasool, H., Maqbool, S. & Tarique, M. (2021), *The relationship between tourism and economic growth among BRICS countries: a panel cointegration analysis*, *Future Business Journal*, 1 (2021). <https://doi.org/10.1186/s43093-020-00048-3>

8. Rathnayaka Mudiyansele, M. M., Epuran, G., & Tescaşiu, B. (2021), *Causal Links between Trade Openness and Foreign Direct Investment in Romania*, *Journal of Risk and Financial Management*, 14(3), 90. MDPI AG. Retrieved from <http://dx.doi.org/10.3390/jrfm14030090>

9. Sayari, N., Sari, R., & Hammoudeh, S. (2018), *The impact of value-added components of GDP and FDI on economic freedom in Europe*, *Economic*

*Systems*, 42(2), 282-294. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.ecosys.2017.03.003>

10. Sokhanvar, A. and Jenkins, G.P. (2021), *Impact of foreign direct investment and international tourism on long-run economic growth of Estonia*, *Journal of Economic Studies*, Vol. ahead-of-print No. ahead-of-print. <https://doi.org/10.1108/JES-11-2020-0543>

11. Trương Thị Thảo (2021), *Giải pháp phát triển kinh tế du lịch Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030*, *Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, Số 18, tháng 7 năm 2021

12. Yang, Y., Qamruzzaman, M., Rehman, M. Z., & Karim, S. (2021), *Do Tourism and Institutional Quality Asymmetrically Effects on FDI Sustainability in BIMSTEC Countries: An Application of ARDL, CS-ARDL, NARDL, and Asymmetric Causality Test*, *Sustainability*, 13(17), 9989. MDPI AG. Retrieved from <http://dx.doi.org/10.3390/su13179989>

### Summary

This aims of this research are to evaluate the impact of the tourism industry and economic growth on foreign direct investment in some Southeast Asian countries in the period of 1995- 2020. This research uses the feasible generalized least squares (FGLS) and the panel corrected standard errors (PCSE), the research results confirm that there is no impact between tourism and foreign direct investment. The main driving force behind foreign direct investment comes from: economic growth, trade openness and urbanization rate. The research also confirms that there is no relationship between population and foreign direct investment in Southeast Asia.